UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG CAO ĐẲNG LÝ TỰ TRỌNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 8 năm 2017

KẾT QUẢ KỲ THI TỐT NGHIỆP VĂN HÓA
KHÓA 2015 VÀ 2016 TRUNG CẤP CHUYÊN NGHIỆP
Tháng 8/2017

TT	MSSV	HỌ VÀ TÊN		GT	NGÀY SINH	LỚP	ĐIỂM THI		
							TOÁN	VẬT LÝ	HOÁ
1	15003024	Huỳnh Đức	Anh	Nam	16/08/1997	15TCT-Đ	3.0	8.5	5.5
2	15002466	Phạm Văn Tuấn	Anh	Nam	02/11/1994	15TCT-Đ	V	V	V
3	15003423	Huỳnh Triều Hải	Đăng	Nam	21/09/1997	15TCT-Đ	6.5	9.5	9.0
4	15000760	Lê Ngọc	Khang	Nam	25/05/1996	15TCT-Đ	5.0	7.5	5.5
5	15001562	Nguyễn Huỳnh	Nhạc	Nam	02/7/1997	15TCT-Đ	7.5	7.5	8.5
6	15001331	Nguyễn Văn	Nhật	Nam	20/01/1997	15TCT-Đ	5.0	Miễn thi	8.5
7	15002687	Nguyễn Minh	Nhựt	Nam	11/02/1997	15TCT-Đ	7.0	9.0	8.5
8	15002903	Dương Tiến	Sĩ	Nam	03/2/1997	15TCT-Đ	6.5	10.0	9.5
9	15000917	Lê Nguyễn Hoàng	Sơn	Nam	03/9/1997	15TCT-Đ	6.0	9.0	9.5
10	15001403	Trần Văn	Thi	Nam	15/04/1996	15TCT-Đ	V	V	V
11	15003266	Trần Thế	Thiện	Nam	08/9/1996	15TCT-Đ	8.0	9.5	6.5
12	15003285	Phạm Ngọc	Thống	Nam	28/08/1996	15TCT-Đ	4.0	9.0	8.0
13	15001937	Nguyễn Văn	Thuột	Nam	21/11/1997	15TCT-Đ	5.5	9.0	Miễn thi
14	15003437	Vũ Văn	Triển	Nam	01/2/1996	15TCT-Đ	5.0	7.0	7.5
15	15000867	Nguyễn Thanh	Vinh	Nam	18/10/1996	15TCT-Đ	2.0	9.0	6.0
16	15003298	Võ Văn	Cường	Nam	03/6/1997	15TCT-NL	5.0	6.0	8.0
17	15002213	Lê Anh Tuấn	Đạt	Nam	04/6/1997	15TCT-NL	6.5	6.0	9.5
18	15001091	Nguyễn Đặng Hoàng	Duy	Nam	27/09/1997	15TCT-NL	Miễn thi	8.5	Miễn thi
19	15000683	Nguyễn Lý Thái	Duy	Nam	14/07/1996	15TCT-NL	6.5	7.5	7.0
20	15002550	Lê Thành	Hân	Nam	12/12/1997	15TCT-NL	7.0	9.0	3.0
21	15000402	Lê Gia	Huy	Nam	15/10/1997	15TCT-NL	5.5	9.0	0.5
22	15001867	Nguyễn Tấn	Phát	Nam	08/7/1997	15TCT-NL	8.0	10.0	7.5
23	15002060	Lê Tấn	Thành	Nam	22/08/1997	15TCT-NL	6.0	8.5	9.5
24	15001251	Lê Văn	Tươi	Nam	25/11/1994	15TCT-NL	5.0	10.0	6.5
25	15000562	Bùi Quang	Vinh	Nam	03/12/1997	15TCT-NL	7.0	9.5	9.5
26	15002143	Lê Văn	Hiền	Nam	01/6/1996	15TCT-CK	V	V	3.0
27	15000754	Hà Triệu Ái	Nhân	Nam	17/01/1997	15TCT-CK	5.5	8.0	Miễn thi
28	15001885	Trần Hoàng	Phước	Nam	20/03/1997	15TCT-CK	5.5	10.0	8.5
29	15001315	Nguyễn Hữu	Quân	Nam	29/9/1997	15TCT-CK	6.5	10.0	8.5
30	15001550	Phạm Khánh	Sang	Nam	29/09/1997	15TCT-CK	6.5	9.0	8.5
31	15001598	Lê Xuân	Tân	Nam	11/09/1995	15TCT-CK	V	V	V
32	15001621	Nguyễn Phan	Thắng	Nam	01/4/1997	15TCT-CK	6.0	10.0	8.0
33	15002169	Nguyễn Cường	Thịnh	Nam	20/12/1997	15TCT-CK	8.0	10.0	9.5
34	15003425	Trần Đăng	Tình	Nam	21/09/1994	15TCT-CK	3.5	5.5	7.0
35	15002309	Trần Thanh	Tình	Nam	26/04/1997	15TCT-CK	3.5	7.5	8.5
36	15002323	Nguyễn Thành	Trung	Nam	23/10/1996	15TCT-CK	5.0	6.0	10.0
37	15002827	Nguyễn Anh	Đạo	Nam	28/08/1997	15TCT-Ô	4.5	7.5	6.5
38	15000619	Lê Hữu	Duy	Nam	14/01/1997	15TCT-Ô	5.0	9.5	9.0
39	15002469	Nguyễn Trường	Giang	Nam	18/11/1996	15TCT-Ô	7.5	9.5	9.5

TT	MSSV	HỌ VÀ TÊN		GT	NGÀY SINH	LỚP	ĐIỂM THI		
							TOÁN	VẬT LÝ	HOÁ
40	15003418	Nguyễn Văn	Hậu	Nam	23/05/1997	15TCT-Ô	V	V	V
41	15001476	Nguyễn Tuấn	Hiệp	Nam	20/06/1996	15TCT-Ô	8.5	9.0	6.5
42	15000897	Lưu Vũ Anh	Quốc	Nam	07/11/1997	15TCT-Ô	6.0	10.0	9.0
43	15002142	Châu Dị	Sang	Nam	04/4/1996	15TCT-Ô	8.0	9.5	Miễn thi
44	15003354	Bùi Văn Tấn	Tài	Nam	03/4/1997	15TCT-Ô	6.0	7.0	8.0
45	15000845	Phan Trọng	Thệ	Nam	16/07/1996	15TCT-Ô	9.0	7.0	10.0
46	15001632	Lê Tấn	Tiến	Nam	05/7/1996	15TCT-Ô	4.0	9.0	7.5
47	15000668	Trần Ngọc	Tiến	Nam	28/11/1997	15TCT-Ô	5.0	8.5	7.5
48	15000941	Bùi Hữu	Toàn	Nam	21/04/1997	15TCT-Ô	5.5	6.0	6.5
49	15002584	Trần Thiện	Dũng	Nam	29/07/1995	15TCT-QTM	6.0	7.0	7.0
50	15002747	Phạm Ngọc Gia	Phú	Nam	15/10/1996	15TCT-QTM	7.5	8.5	7.5
51	15003265	Sử Khắc	Thông	Nam	11/07/1992	15TCT-QTM	8.5	9.5	7.0
52	15001782	TDESCATAMIENTO	Tuấn	Nam	22/02/1996	15TCT-QTM	V	V	V
53	15003347	Bùi Thị Kim	Nhung	Nữ	26/07/1997	15TCT-MTT	7.5	9.5	8.5
54	15000585	Nguyễn Thị Ái	Thắm	Nữ	09/9/1997	15TCT-MTT	7.5	10.0	10.0
55	15003375	Trần Nguyễn Xuân	Thảo	Nữ	03/7/1997	15TCT-MTT	7.0	10.0	8.5
56	16000745	Nguyễn Hoài	Bảo	Nam	29/03/1997	16TCT-Đ	6.5	8.0	6.0
57	16000495	Trần Tất	Đại	Nam	28/05/1997	16TCT-Đ	V	V	V
58	16003316	Bùi Hồng	Doanh	Nam	02/6/1998	16TCT-Đ	7.0	7.5	8.0
59	16003184	Trần Nhựt	Duy	Nam	16/12/1998	16TCT-Đ	6.0	9.0	7.5
60	16003252	Đỗ Văn	Hà	Nam	21/04/1996	16TCT-Đ	4.0	7.5	8.5
61	16003424	Hồ Hồng	Hải	Nam	06/4/1998	16TCT-Đ	7.5	9.0	9.5
62	16003296	Lê Ngọc	Hải	Nam	15/11/1998	16TCT-Đ	8.0	9.0	9.5
63	16001877	Nguyễn Hoàng	Hải	Nam	28/10/1998	16TCT-Đ	6.5	9.0	9.0
64	16001472	Nguyễn Công	Hạo	Nam	10/04/1998	16TCT-Đ	5.0	9.5	8.0
65	16002822	Nguyễn Huỳnh Nhật	Hòa	Nam	29/06/1998	16TCT-Đ	6.5	9.5	3.0
66	16002211	Nguyễn Văn Quốc	Hoàng	Nam	27/08/1998	16TCT-Đ	6.0	8.5	7.5
67	16000649	Nguyễn Mạnh	Hùng	Nam	24/05/1998	16TCT-Đ	8.0	8.5	9.0
68	16000352	Thái Gia	Hưng	Nam	17/11/1997	16TCT-Đ	8.5	9.0	3.5
69	16002453	Lê Hùng Minh	Huy	Nam	09/6/1996	16TCT-Đ	9.0	7.5	7.0
70	16002108	Trần Đoàn Quang	Huy	Nam	01/1/1997	16TCT-Đ	7.5	9.5	8.0
71	16003453	Vi Đình	Khải	Nam	23/03/1997	16TCT-Đ	7.5	7.5	4.0
72	16002718	Đặng Nhật	Khánh	Nam	21/09/1998	16TCT-Đ	8.0	8.5	8.0
73	16000675	Trần Quốc	Khánh	Nam	09/5/1998	16TCT-Đ	7.5	8.0	8.5
74	16001134	Nguyễn Tiến	Lợi	Nam	13/03/1997	16TCT-Đ	5.5	9.0	8.0
75	16001271	Phạm Hoàng	Long	Nam	12/05/1998	16TCT-Đ	4.0	7.0	8.5
76	16003330	Võ Hoàng	Luân	Nam	21/09/1995	16TCT-Đ	4.0	4.5	8.5
77	16003442	Nguyễn	Mạnh	Nam	09/10/1998	16TCT-Đ	6.0	4.0	8.0
78	16002207	Nguyễn Đức	Phát	Nam	29/03/1998	16TCT-Đ	8.0	10.0	8.0
79	16003655	Cao Hồng	Phúc	Nam	24/03/1996	16TCT-Đ	6.0	6.0	6.5
80	16003581	Phạm Văn	Phúc	Nam	24/12/1996	16TCT-Đ	6.0	8.0	6.5
81	16002467	Đoàn Hữu	Tài	Nam	04/4/1998	16TCT-Đ	6.5	Miễn thi	9.0
82	16002452	Huỳnh Minh	Tâm	Nam	01/9/1998	16TCT-Đ	7.5	7.0	9.5
83	16002984	Nguyễn Thanh	Tâm	Nam	21/09/1998	16TCT-Đ	10.0	8.5	9.5
84	16001799	Nguyễn Ngọc	Thành	Nam	18/11/1998	16TCT-Đ	6.5	8.0	7.5
85	16003477	Nguyễn Đình	Thi	Nam	14/04/1998	16TCT-Đ	9.0	9.5	9.5
86	16000923	Huỳnh Bá	Thuần	Nam	15/02/1998	16TCT-Đ	V	V	V

TT	MSSV	HỌ VÀ TÊN		GT	NGÀY SINH	LỚP	ĐIỂM THI		
							TOÁN	VẬT LÝ	HOÁ
87	16003117	Trần Nguyên Chí	Tiến	Nam	02/3/1998	16TCT-Đ	8.0	8.0	9.0
88	16001848	Nguyễn Trần Đăng	Trung	Nam	08/12/1992	16TCT-Đ	5.0	7.0	9.0
89	16003658	Nguyễn Hữu	Chi	Nam	27/08/1998	16TCT-Ô1	V	V	V
90	16003651	Cao Thế Công	Dân	Nam	30/07/1998	16TCT-Ô1	7.0	7.0	7.5
91	16001610	Nguyễn Huỳnh	Đức	Nam	26/08/1998	16TCT-Ô1	V	V	V
92	16001300	Đào Ngọc	Duy	Nam	25/09/1997	16TCT-Ô1	8.0	8.0	8.5
93	16001579	Nguyễn An	Giang	Nam	06/1/1998	16TCT-Ô1	5.5	6.0	9.0
94	16003202	Nguyễn Lưu Trường	Giang	Nam	25/03/1997	16TCT-Ô1	5.5	9.5	7.5
95	16003500	Lữ Tuấn	Hào	Nam	24/12/1998	16TCT-Ô1	7.0	9.0	2.0
96	16003653	Nguyễn Anh	Hào	Nam	12/08/1996	16TCT-Ô1	6.5	8.0	4.0
97	16002681	Nguyễn Thái	Hòa	Nam	06/10/1998	16TCT-Ô1	V	V	V
98	16000677	Nguyễn	Hoàng	Nam	06/1/1998	16TCT-Ô1	5.0	8.5	V
99	16003385	Nguyễn Tiến	Huy	Nam	25/08/1998	16TCT-Ô1	V	V	V
100	16002753	Nguyễn Đình	Khánh	Nam	17/09/1998	16TCT-Ô1	V	V	V
101	16002801	Nguyễn Hoàng	Linh	Nam	28/02/1998	16TCT-Ô1	5.5	9.5	1.0
102	16000642	Nguyễn Đức	Lộc	Nam	19/01/1998	16TCT-Ô1	V	V	V
103	16000682	Nguyễn Tấn	Lộc	Nam	10/08/1997	16TCT-Ô1	V	V	V
104	16003049	Lê Ngọc	Nhân	Nam	20/04/1996	16TCT-Ô1	6.5	6.5	8.5
105	16001371	Nguyễn Hiệp	Phong	Nam	12/01/1998	16TCT-Ô1	7.5	7.0	6.0
106	16003483	Dương Nhất	Phúc	Nam	20/09/1998	16TCT-Ô1	6.5	10.0	8.5
107	16002930	Nguyễn Anh	Phước	Nam	25/12/1997	16TCT-Ô1	V	V	V
108	16000736	Nguyễn Hoàng	Sang	Nam	11/08/1998	16TCT-Ô1	7.0	10.0	7.5
109	16002756	Nguyễn Tấn	Sang	Nam	15/05/1998	16TCT-Ô1	5.5	10.0	8.5
110	16001137	Dương Xuân	Thắng	Nam	07/5/1996	16TCT-Ô1	6.5	8.5	8.5
111	16000660	Nguyễn Ngọc	Tiến	Nam	12/05/1998	16TCT-Ô1	6.5	5.0	6.5
112	16003028	Lê Nhật	Tín	Nam	08/7/1997	16TCT-Ô1	V	V	V
113	16001243	Nguyễn Thanh	Tuấn	Nam	09/10/1997	16TCT-Ô1	V	V	V
114	16003592	Vũ Thiên	Cát	Nam	04/11/1998	16TCT-Ô2	6.0	6.5	7.5
115	16003540	Phan Văn	Công	Nam	23/03/1997	16TCT-Ô2	4.0	7.0	9.0
116	16003896	Nguyễn Quân	Đạt	Nam	02/3/1997	16TCT-Ô2	6.0	8.5	6.5
117	16003903	Dương Trọng	Hiệp	Nam	03/6/1997	16TCT-Ô2	V	V	V
118	16002438	Trần Trọng Minh	Luân	Nam	05/3/1998	16TCT-Ô2	6.5	7.5	8.5
119	16000712	Phùng	Nguyễn	Nam	03/5/1998	16TCT-Ô2	6.5	8.0	7.0
120	16002729	Trần Dậu	Phát	Nam	07/4/1998	16TCT-Ô2	8.0	10.0	7.0
121	16001891	Thi Đức	Quang	Nam	30/01/1998	16TCT-Ô2	7.0	10.0	8.5
122	16001564	Võ Ngọc	Quý	Nam	04/12/1998	16TCT-Ô2	7.0	10.0	10.0
123	16003796	Cái Nguyễn Tấn	Sang	Nam	26/02/1997	16TCT-Ô2	V	V	V
124	16001574	Phạm Thanh	Tân	Nam	22/02/1998	16TCT-Ô2	6.5	5.5	9.5
125	16000943	Trương Vĩnh Nhật	Tân	Nam	04/1/1997	16TCT-Ô2	5.0	8.0	9.0
126	16000926	Võ Minh	Tân	Nam	04/3/1998	16TCT-Ô2	6.0	5.0	10.0
127	16003792	Bùi Văn	Thi	Nam	25/10/1998	16TCT-Ô2	9.5	9.0	7.5
128	16000726	Nguyễn Trung	Thứ	Nam	12/11/1996	16TCT-Ô2	6.0	9.0	8.0
129	16002018	Phạm	Tiến	Nam	12/12/1996	16TCT-Ô2	5.0	3.0	7.0
130	16001651	Trịnh Văn	Tiến	Nam	20/12/1997	16TCT-Ô2	5.0	5.5	7.0
131	16001151	Nguyễn Văn	Tròn	Nam	02/5/1998	16TCT-Ô2	7.0	7.0	9.0
132	16002964	Trương Anh	Tú	Nam	17/11/1997	16TCT-Ô2	V	V	V
133	16001419	Huỳnh Tuấn	Anh	Nam	08/11/1998	16TCT-QTM	6.0	9.0	7.0

TT	MSSV	HỌ VÀ TÊN		GT	NGÀY SINH	LỚP	ĐIỂM THI		
							TOÁN	VẬT LÝ	HOÁ
134	16002744	Nguyễn Hoàng Quốc	**Cường**	Nam	18/05/1998	16TCT-QTM	V	V	V
135	16001348	Nguyễn Quốc	**Cường**	Nam	07/7/1997	16TCT-QTM	5.0	9.5	7.0
136	16001686	Lư Tấn	**Đạt**	Nam	31/01/1997	16TCT-QTM	6.0	7.5	9.0
137	16002331	Phạm Thanh Kỳ	**Duyên**	Nữ	12/11/1996	16TCT-QTM	8.0	8.0	9.5
138	16001748	Lê Thanh	**Hào**	Nam	10/01/1998	16TCT-QTM	6.5	9.5	9.5
139	16003056	Trương Hữu	**Hậu**	Nam	06/5/1998	16TCT-QTM	6.0	9.0	7.5
140	16001664	Lê Gia	**Huy**	Nam	22/09/1998	16TCT-QTM	6.0	6.5	V
141	16000665	Phạm Tuấn	**Khải**	Nam	01/1/1997	16TCT-QTM	6.0	6.0	9.0
142	16003065	Phạm Thị	**Linh**	Nữ	28/04/1998	16TCT-QTM	V	V	V
143	16002255	Lê Huỳnh Bá	**Lộc**	Nam	13/08/1998	16TCT-QTM	5.5	9.0	V
144	16002544	Nguyễn Thanh Bảo	**Mi**	Nữ	20/08/1998	16TCT-QTM	V	V	V
145	16002608	Lê Khải	**Minh**	Nam	12/08/1998	16TCT-QTM	7.0	8.0	7.0
146	16003005	Võ Tấn	**Phát**	Nam	25/03/1996	16TCT-QTM	5.5	7.0	Miễn thi
147	16003854	Nguyễn Xuân	**Quang**	Nam	08/7/1998	16TCT-QTM	6.5	10.0	8.5
148	16003029	Lã Văn	**Sơn**	Nam	06/7/1998	16TCT-QTM	V	V	V
149	16003720	Nguyễn Minh	**Thái**	Nam	11/09/1998	16TCT-QTM	V	V	V
150	16001652	Nguyễn Châu Trường	**Thành**	Nam	27/07/1998	16TCT-QTM	6.5	9.5	9.5
151	16003716	Trương Huỳnh Công	**Thịnh**	Nam	19/12/1996	16TCT-QTM	V	V	V
152	16000913	Quách Ngọc Tú	**Thương**	Nữ	21/09/1996	16TCT-QTM	4.0	5.5	9.5
153	16003215	Sử Thùy	**Trâm**	Nữ	10/08/1998	16TCT-QTM	V	V	V
154	16000622	Dương Khánh	**Trường**	Nam	15/05/1998	16TCT-QTM	6.5	8.5	9.5
155	16002762	Lê Thái	**Văn**	Nam	26/09/1997	16TCT-QTM	V	V	V
156	16003396	Nguyễn Tấn	**Vinh**	Nam	13/11/1997	16TCT-QTM	5.0	9.5	7.5

Tổng cộng danh sách có 156 học sinh.

HIỆU TRƯỞNG

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG CAO ĐẲNG LÝ TỰ TRỌNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Phạm Hữu Lộc

TRƯỞNG PHÒNG KT&ĐBCL

Hà Phước Tuấn